

Số: /TTr-HĐQT/VTS

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 6 năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**VỀ VIỆC: Quyết toán Quỹ lương, quỹ thù lao thực hiện năm 2023
và xây dựng quỹ lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 01/07/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (Công ty) sửa đổi bổ sung lần 4 được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 10/01/2018;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước,

Căn cứ tình hình hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt quyết toán quỹ lương, quỹ thù lao thực hiện năm 2023 và kế hoạch quỹ lương, quỹ thù lao năm 2024, cụ thể như sau:

I. Quyết toán quỹ lương, quỹ thù lao năm 2023

• Số liệu báo cáo đã được kiểm toán:

- Tổng doanh thu và thu nhập: 304.322.674.460 đồng;
- Tổng chi phí chưa lương: 77.247.799.711 đồng;
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 119.501.450.746 đồng.

1. Một số chỉ tiêu năm 2023

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Tổng doanh thu & thu nhập	Đồng	248.050.000.000	304.322.674.460	
2	Tổng chi phí chưa lương	Đồng	69.783.360.000	77.247.799.711	
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	93.200.000.000	119.501.450.746	
4	Quỹ tiền lương người lao động	Đồng	81.354.273.504	103.552.368.003	
5	Lao động SDBQ	Người	196	189	
6	Tiền lương bình quân (VND)	Đồng	415.072.824	547.896.127	

2. Xác định quỹ lương thực hiện Người lao động

$$V_{th} = L_{thsd} \times TL_{bqth}$$

- V_{th} : Quỹ lương thực hiện;
- L_{thsd} : Lao động sử dụng;
- TL_{bqth} : Mức tiền lương bình quân thực hiện;

Căn cứ các chỉ tiêu kết quả thực hiện năm 2023, Công ty quyết toán tiền lương thực hiện năm 2023 theo quy định tại khoản 3 Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH:

“Đối với công ty có năng suất lao động bình quân tăng thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định so với mức tiền lương bình quân thực hiện của năm trước liền kề gắn với lợi nhuận kế hoạch như sau: Lợi nhuận kế hoạch bằng hoặc tăng so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch tăng không vượt quá mức tăng năng suất lao động bình quân”. Cụ thể:

- Năng suất lao động kế hoạch (W_{kh}):

$$W_{kh} = (\text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí chưa lương}) / L_{khsd}$$

$$= (248.050.000.000đ - 69.783.360.000đ) / 196 = 909.523.673 \text{ đồng/người năm.}$$

- Năng suất lao động thực hiện (W_{th}):

$$W_{th} = (\text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí chưa lương}) / L_{thsd}$$

$$= (304.322.674.460 - 77.247.799.711) / 189 = 1.201.454.363 \text{ đồng/người/năm.}$$

$$\text{Tốc độ tăng năng suất} = W_{th} / W_{kh} = 1.201.454.363đ / 909.523.673đ = \mathbf{1,3210}$$

- Lợi nhuận kế hoạch (Pkh): 93.200.000.000 đồng
- Lợi nhuận thực hiện (Pth): 119.501.450.746 đồng

Pkh tăng so với Pth: $119.501.450.746 \text{ đ} / 93.200.000.000 \text{ đ} = 128,22\%$

Từ kết quả trên cho thấy năng suất lao động thực hiện tăng so với kế hoạch, lợi nhuận thực hiện tăng so với kế hoạch, do đó tiền lương thực hiện tăng so với kế hoạch.

Công ty lựa chọn tốc độ tăng tiền lương là **1,3200** (thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động).

- Tiền lương bình quân kế hoạch = Quỹ lương KH/Lbqkh = $81.354.273.504 / 196$
= 415.072.824 đồng/người/năm.

- Tiền lương bình quân thực hiện năm 2023:

Tiền lương bình quân kế hoạch x Tốc độ tăng tiền lương = $415.072.824 \text{ đồng} \times 1,3200 = 547.896.127 \text{ đồng/người/năm}$.

*** Quỹ lương thực hiện (Vth) năm 2023:**

$547.896.127 \text{ đồng} \times 189 \text{ người} = 103.552.368.003 \text{ đồng}$.

Như vậy, quỹ lương thực hiện của Người lao động năm 2023: 103.552.368.003 đồng. (Một trăm lẻ ba tỷ, năm trăm năm mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi tám ngàn, không trăm lẻ ba đồng).

3. Xác định quỹ lương thực hiện Người quản lý Công ty

Căn cứ các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 15 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH: “*Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch*”.

Công ty quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2023 của Người quản lý Công ty, bao gồm các chức danh Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát, như sau:

- Số người quản lý chuyên trách làm việc tròn 12 tháng: 05 người;
- Số người quản lý chuyên trách làm việc 05 tháng: 01 người;
- Mức tăng lợi nhuận = $(119.501.450.746 / 93.200.000.000) - 1 = 28,22\%$.
- Mức tiền lương thực hiện bình quân tăng thêm: 20%.
- Lương bình quân kế hoạch: 51.552.000 đồng/người
- Lương bình quân của Người Quản lý Công ty tăng thêm:

$51.552.000 \text{ đồng/tháng/người} \times 20\% = 10.310.400 \text{ đồng/tháng/người}$

- Lương bình quân thực hiện năm 2023 của người quản lý Công ty là:
51.552.000 đồng + 10.310.400 đồng = 61.862.400 đồng/tháng/người

• **Vậy, Quỹ lương thực hiện của Người quản lý Công ty năm 2023 là:**

61.862.400 đồng/tháng/người x 5 người x 12 tháng = 3.711.744.000 đồng;
61.862.400 đồng//tháng/người x 1 người x 05 tháng = 309.312.000 đồng.

Tổng cộng : 3.711.744.000 đồng + 309.312.000 đồng = 4.021.056.000 đồng

(Bốn tỷ không trăm hai mươi một triệu, không trăm năm mươi sáu ngàn đồng chẵn.)

4. Quỹ thù lao thực hiện của cán bộ quản lý không chuyên trách

Căn cứ khoản 2 Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH “*Quỹ thù lao được xác định trên cơ sở số người quản lý công ty không chuyên trách thực tế các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách.*” *Cụ thể:*

- Số lượng người quản lý không chuyên trách: 06 người, bao gồm 4 thành viên HĐQT không chuyên trách và 02 thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách.

- Quỹ thù lao thực hiện năm 2023 của cán bộ quản lý không chuyên trách là:

Vtl = 6 người x 61.862.400 đồng x 12 tháng x 20% = 890.818.560 đồng

(Tám trăm chín mươi triệu, tám trăm mười tám ngàn, năm trăm sáu mươi đồng chẵn).

II. Xây dựng quỹ lương, quỹ thù lao kế hoạch năm 2024

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2024, cụ thể:

- Tổng doanh thu và thu nhập: 276.000 triệu đồng, trong đó:
 - + Doanh thu dịch vụ hoa tiêu hàng hải: 245.500 triệu đồng;
 - + Doanh thu tài chính và doanh thu khác: 30.500 triệu đồng;
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 101.500 triệu đồng.

1. Một số chỉ tiêu để tính quỹ lương kế hoạch người lao động, cán bộ quản lý, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty năm 2024

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Năm 2024	Ghi chú
1	Tổng Doanh thu	Đồng	304.322.674.460	276.000.000.000	
2	Tổng chi phí chưa lương	Đồng	77.247.799.711	79.934.000.000	

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Năm 2024	Ghi chú
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	119.501.450.746	101.500.000.000	
4	Quỹ tiền lương người lao động Công ty	Đồng	103.552.368.003	90.609.026.865	
5	Lao động SDBQ	Người	189	205	
6	Tiền lương bình quân	Đồng	547.896.127	441.995.253	

2. Xây dựng quỹ lương kế hoạch của người lao động Công ty năm 2024

$$V_{kh} = L_{khsd} \times TL_{bqkh}$$

- V_{kh} : Quỹ lương kế hoạch;
- L_{khsd} : Lao động sử dụng kế hoạch;
- TL_{bqkh} : Mức tiền lương bình quân kế hoạch

Công ty xây dựng quỹ lương Người lao động theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH như sau:

a. Tiền lương kế hoạch giảm theo năng suất lao động (TL_{ns}) BQKH:

- Năng suất lao động thực hiện năm 2023 (W_{th}):

$$W_{th} = (\text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí chưa lương}) / L_{DBQ}$$

$$(304.322.674.460 - 77.247.799.711) / 189 = 1.201.454.363 \text{ đồng/người/năm.}$$

Tiền lương bình quân thực hiện năm (TL_{bqthnt}) năm 2023:

$$TL_{bqthnt} = V_{thnt} / L_{sdthnt} = 103.552.368.003 / 189 = 547.896.127 \text{ đồng}$$

- Năng suất lao động kế hoạch (W_{kh}) năm 2024:

$$W_{kh} = (\text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí chưa lương}) / L_{khsd}$$

$$(276.000.000.000đ - 79.934.000.000đ) / 205 = 956.419.512 \text{ đồng/người năm.}$$

Từ số liệu trên cho thấy năng suất lao động kế hoạch 2024 giảm so với năm thực hiện 2023 là: $1.201.454.363 đ - 956.419.512 đ = 245.034.851đ/người/năm.$

Vì vậy, khoản tiền lương giảm theo năng suất lao động bình quân sẽ là:

$$TL_{ns} = TL_{bqthnt} \times (1 - W_{kh} / W_{thnt}) \times 0,8$$

$$= 547.896.127 \times (1 - 956.419.512 / 1.201.454.363) \times 0,8 = 89.394.087đồng$$

b. Tiền lương kế hoạch giảm theo lợi nhuận kế hoạch (TL_{ln}):

- Lợi nhuận thực hiện năm 2023 (P_{nt}): 119.501.450.746 đồng

- Lợi nhuận kế hoạch 2024 (P_{kh}): 101.500.000.000 đồng

- Lợi nhuận kế hoạch năm 2024 giảm so với năm 2023 là:

$$119.501.450.746 \text{ đ} - 101.500.000.000 \text{ đ} = 18.001.450.746 \text{ đồng}$$

- Khoản tiền lương giảm theo lợi nhuận:

$$TLln = TLbqthnt \times (1 - Pkh/Pthnt) \times 0,2$$

$$= 547.896.127 \times (1 - 101.500.000.000 / 119.501.450.746) \times 0,2 = 16.506.787 \text{ đ}$$

c. Mức tiền lương bình quân kế hoạch (TLbqkh) năm 2024:

$$TLbqkh = TLbqthnt - TLns - TLln$$

$$= 547.896.127 - 89.394.087 - 16.506.787 = 441.995.253 \text{ đồng/người/năm.}$$

3. Xác định quỹ lương kế hoạch (Vkh) năm 2024 như sau:

$$Vkh = 441.995.253 \text{ đ} \times 205 = 90.609.026.865 \text{ đồng.}$$

Vậy quỹ lương kế hoạch năm 2024 là 90.609.026.865 đồng

(Chín mươi tỷ, sáu trăm lẻ chín triệu, không trăm hai mươi sáu ngàn, tám trăm sáu mươi lăm đồng chẵn.)

Căn cứ vào quỹ lương kế hoạch của Người lao động được duyệt Công ty chi trả tiền lương theo Quy chế trả lương của Công ty.

4. Xây dựng quỹ lương kế hoạch của cán bộ quản lý chuyên trách năm 2024

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ - CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 12 “.....các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch giảm so với thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách giảm so với mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề”;

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH: “Công ty có lợi nhuận kế hoạch từ 50 tỷ đồng trở lên thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được tính trên mức lương cơ bản và hệ số điều chỉnh tăng thêm so với mức lương cơ bản gắn với quy mô lợi nhuận theo lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính của công ty” như sau:

a) Hệ số điều chỉnh tăng thêm tối đa bằng 0,5 đối với công ty có lợi nhuận từ 50 tỷ đến dưới 100 tỷ đồng.

b) Hệ số điều chỉnh tăng thêm tối đa bằng 1,0 đối với công ty có lợi nhuận từ 100 tỷ đến dưới 200 tỷ đồng.

Công ty xác định quỹ lương kế hoạch của cán bộ quản lý như sau:

a. Số lượng định biên lao động quản lý: 06 người (01 Chủ tịch Hội đồng Quản trị; 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng, 01 Trưởng Ban Kiểm soát)

- Số lượng định biên hưởng thù lao: 06 người; Trong đó 4 Thành viên Hội đồng quản trị; 02 Thành viên Ban Kiểm soát.

b. Xác định quỹ tiền lương kế hoạch:

$$V_{khql} = L_{ql} \times M_{lcb} \times 12 \text{ tháng}$$

Trong đó:

- V_{khql} : Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động quản lý chuyên trách.

- L_{ql} : Số người quản lý chuyên trách tính theo số lượng tại thời điểm xác định quỹ tiền lương kế hoạch.

- M_{lcb} : Mức lương cơ bản bình quân của người quản lý chuyên trách

+ Lợi nhuận kế hoạch: 101.500.000.000 đồng

+ Mức lương cơ bản: 36.000.000 đồng

M_{lcb} tăng thêm theo hệ số điều chỉnh:

$$(a) (100.000.000.000\text{đ} - 50.000.000.000\text{đ}) \times 0,5/50.000.000.000\text{đ} \times 36.000.000\text{đ} \\ = 18.000.000 \text{ đồng};$$

$$(b) (101.500.000.000\text{đ} - 100.000.000.000\text{đ}) \times 1/100.000.000.000\text{đ} \times 36.000.000\text{đ} \\ = 540.000 \text{ đồng};$$

$$M_{lcb} \text{ kế hoạch} = 36.000.000\text{đ} + 18.000.000\text{đ} + 540.000\text{đ}$$

$$= 54.540.000 \text{ đồng/tháng/người}$$

Quỹ lương kế hoạch năm 2024 của cán bộ quản lý chuyên trách:

$$54.540.000 \text{ đồng/tháng/người} \times 6 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 3.926.880.000 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Ba tỷ chín trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn.)

Căn cứ vào quỹ lương kế hoạch của Người quản lý chuyên trách được duyệt, Công ty chi trả tiền lương theo Quy chế trả lương của doanh nghiệp.

4. Xây dựng quỹ thù lao HĐQT, BKS kế hoạch năm 2024

Căn cứ khoản 5 Điều 6 Nghị định 53/2016/NĐ-CP, Công ty xây dựng thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát bằng 20% tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý công ty chuyên trách.

Quỹ thù lao năm 2024 của cán bộ quản lý không chuyên trách là:

$$V_{tl} = 6 \text{ người} \times 54.540.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 20\% = 785.376.000 \text{ đồng}.$$

(Bảy trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng chẵn)

Căn cứ vào quỹ thù lao của cán bộ quản lý không chuyên trách được duyệt, Công ty chi trả hàng tháng và do Hội đồng Quản trị quyết định. Căn cứ tình hình hoạt động SXKD của Công ty, Hội đồng Quản trị quyết định chi bổ sung trong năm nhưng không vượt quá quỹ thù lao được duyệt đúng theo quy định.

Kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS, HĐQT;
- Ban TGD;
- P. TCKT, P. TCNS;
- Lưu VT, TK.

Lê Văn Bình